

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 24/2011/QĐ-UBND

*Tiền Giang, ngày 05 tháng 9 năm 2011*

### **QUYẾT ĐỊNH**

#### **Ban hành Quy chế quản lý hoạt động Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản và Nghị định số 14/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2009 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2005/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản;

Căn cứ Nghị định số 33/2010/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý hoạt động khai thác thủy sản của tổ chức, cá nhân Việt Nam trên các vùng biển;

Căn cứ Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Thủy sản hướng dẫn thi hành Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 62/2008/TT-BNN ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Thủy sản hướng dẫn thi hành Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 53/2009/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định quản lý các loài thủy sinh vật ngoại lai tại Việt Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý hoạt động Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

**Điều 2.** Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 09/2006/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành Quy chế quản lý hoạt động Khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Tiền Giang./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Văn Hưởng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

**Quản lý hoạt động Khai thác và  
Bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 24/2011/QĐ-UBND  
ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)*

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định việc quản lý hoạt động khai thác, dịch vụ khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản tại các vùng nước thuộc tỉnh Tiền Giang.
2. Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác, dịch vụ khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

#### **Điều 2. Nguyên tắc khai thác thủy sản**

Khai thác thủy sản ở các vùng nước tự nhiên phải bảo đảm không làm cạn kiệt nguồn lợi thủy sản; phải tuân theo quy định về mùa vụ, thời hạn, vùng, phương tiện khai thác; về chủng loại, kích cỡ thủy sản; về ngư cụ, nghề, đồng thời phải tuân theo quy định của Luật Thủy sản và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

#### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Đóng mới tàu cá: Tàu cá được xem là đóng mới nếu như quá trình công nghệ được thực hiện từ khi đặt ky chính đến khi hoàn chỉnh công trình.
2. Cải hoán tàu cá: Tàu cá được xem là cải hoán nếu như những thay đổi làm ảnh hưởng đến tính năng kỹ thuật của tàu như:
  - a) Thay đổi kích thước cơ bản của tàu;
  - b) Thay đổi kết cấu của tàu;
  - c) Thay đổi tính năng hoạt động của tàu;
  - d) Thay đổi máy chính của tàu;
3. Đáy sông cầu, đáy sáu: Là một loại ngư cụ cố định bằng trụ gỗ và đặt ở một vị trí xác định trong vùng biển ven bờ suốt thời gian đánh bắt.
4. Đáy sông: Là các loại đáy được đặt ở trên sông, rạch.
5. Đáy neo (đáy mong): Là loại ngư cụ cố định bằng neo và thường thay đổi vị trí.

6. Hoạt động khai thác thủy sản: Là các hoạt động nhằm đánh bắt thủy sản tự nhiên trên các vùng nước bằng các loại ngư cụ.

7. Hoạt động dịch vụ khai thác thủy sản: Gồm những hoạt động của cảng cá, bến cá, cơ sở đóng sửa phương tiện tàu cá; hoạt động của các tổ chức, cá nhân kinh doanh - dịch vụ thủy sản có sử dụng phương tiện thủy.

8. Vùng cấm khai thác có thời hạn: Là các vùng nước cấm một số loại nghề hoạt động đánh bắt làm tổn hại đối với loài thủy sản là đối tượng cần duy trì sinh trưởng trong một thời gian nhất định để sinh sản hoặc tự sinh trưởng đến cỡ khai thác có hiệu quả cao nhất.

9. Vùng cấm khai thác: Là các vùng nước cấm tất cả các loại nghề hoạt động khai thác thủy sản bao gồm những khu vực được Nhà nước quy hoạch để nuôi trồng thủy sản, xây dựng khu bảo tồn đa dạng sinh học, khu bảo tồn loài thủy sản.

10. Vùng nước nội địa: Là vùng nước tự nhiên tính từ cửa sông trở vào bên trong nội địa đến hết ranh giới hành chính của tỉnh, bao gồm vùng nước của tất cả sông, rạch và vùng nước nội đồng trên địa bàn tỉnh.

11. Vùng biển ven bờ được giới hạn bởi mép nước biển tại bờ biển và tuyến bờ.

12. Vùng lộng là vùng biển được giới hạn bởi tuyến bờ và tuyến lộng.

13. Vùng khai thác thủy sản tỉnh Tiền Giang quản lý bao gồm vùng nước nội địa, vùng biển ven bờ và vùng lộng.

14. Thủy sinh vật ngoại lai: Là loài thủy sinh vật được di nhập từ nước ngoài vào lãnh thổ Việt Nam.

15. Thủy sinh vật ngoại lai có nguy cơ xâm hại: Là loài thủy sinh vật ngoại lai có nguy cơ lấn chiếm nơi sinh sống hoặc có nguy cơ gây hại đối với các loài sinh vật bản địa, làm mất cân bằng sinh thái tại nơi chúng xuất hiện và phát triển.

16. Thủy sinh vật ngoại lai xâm hại: Là loài thủy sinh vật ngoại lai lấn chiếm nơi sinh sống hoặc gây hại đối với các loài sinh vật bản địa, làm mất cân bằng sinh thái tại nơi chúng xuất hiện và phát triển.

## **Chương II**

### **KHAI THÁC, DỊCH VỤ KHAI THÁC THỦY SẢN**

#### **Mục 1**

#### **ĐIỀU KIỆN KHAI THÁC THỦY SẢN**

#### **Điều 4. Đăng ký, đăng kiểm tàu cá và thuyền viên**

Tất cả các phương tiện khai thác thủy sản phải được đăng ký. Đối với phương tiện gắn máy từ 20 mã lực trở lên ngoài đăng ký còn phải được đăng kiểm, đồng thời phải thực hiện đăng ký thuyền viên theo quy định tại điều 10,

11, 12 Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản. Chủ phương tiện, thuyền trưởng, thuyền viên của phương tiện nghề cá còn phải thực hiện trách nhiệm của mình được quy định tại Điều 5,6,7,8,9 Chương II của Nghị định 66/2005/NĐ-CP.

Cơ quan đăng ký, đăng kiểm phương tiện nghề cá và đăng ký thuyền viên là Chi cục Thủy sản (thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

Riêng việc đăng ký thuyền viên nhóm phương tiện nghề cá dưới 20 mã lực và phương tiện phục vụ cho nghề đáy sông cầu, đáy sáu, phương tiện nghề cá trên sông, rạch do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện trên cơ sở phương tiện đã có đăng ký, có giấy phép khai thác thủy sản còn hiệu lực.

Về biểu, mẫu hồ sơ, sổ danh bạ thuyền viên thực hiện theo quy định tại Quyết định 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản về việc ban hành Quy chế đăng ký tàu cá và thuyền viên và Thông tư 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản.

#### **Điều 5. Giấy phép khai thác thủy sản**

1. Tổ chức, cá nhân khai thác thủy sản phải có giấy phép khai thác thủy sản, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác thủy sản bằng tàu cá có trọng tải dưới 0,5 tấn hoặc không sử dụng tàu cá.

2. Điều kiện, trình tự, thủ tục cấp giấy phép khai thác thủy sản thực hiện theo quy định tại các Điều 4, 5, 6, 7 Chương II Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản và Nghị định số 14/2009/NĐ-CP ngày 13/02/2009 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005.

#### **Điều 6. Thủ tục, quy trình cấp phép các loại đáy sông cầu, đáy sáu và đáy sông**

Thủ tục, quy trình cấp giấy phép do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thống nhất hướng dẫn.

Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý và cấp phép.

#### **Điều 7. Thành lập hội nghề nghiệp**

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác thủy sản thành lập hội nghề nghiệp, tổ, đội khai thác theo quy định.

#### **Điều 8. Phát triển tàu cá**

1. Việc phát triển tàu cá phải phù hợp với quy hoạch phát triển ngành thủy sản của tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
2. Trước khi đóng mới, cải hoán tàu cá, chủ tàu phải được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp văn bản chấp thuận.
3. Không chấp thuận cho đóng mới hoạt động các nghề khai thác thủy sản bị cấm đóng mới theo quy định của Quy chế này.

## **Mục 2** **QUẢN LÝ KHAI THÁC**

### **Điều 9. Vùng và các nghề khai thác bị cấm hoạt động**

1. Tại vùng nước nội địa: Các nghề lưới kéo, te, xiệp.
2. Tại vùng biển ven bờ:
  - a) Các nghề lưới kéo, te, xiệp (trừ nghề te ruốc ở tầng nước mặt);
  - b) Các tàu khai thác có tổng công suất máy chính từ 20 mã lực trở lên (trừ các tàu làm nghề lưới rê, nghề đáy sông cầu, đáy sáu và đáy sông).
3. Tại vùng lộng:
  - a) Các nghề khai thác có kết hợp ánh sáng sử dụng nguồn sáng có tổng công suất vượt quá 5.000W;
  - b) Các tàu khai thác có tổng công suất máy chính từ 90 mã lực trở lên (trừ các tàu làm nghề lưới vây và lưới rê).

### **Điều 10. Các nghề khai thác thủy sản cấm đóng mới**

- a) Các nghề khai thác ở vùng biển ven bờ: nghề lưới kéo, te, xiệp.
- b) Các nghề kết hợp ánh sáng hoạt động tại vùng biển ven bờ và vùng lộng.
- c) Nghề lưới kéo đơn, lưới kéo đôi có công suất máy chính dưới 90 mã lực.
- d) Tàu lắp máy dưới 30 mã lực làm các nghề khác.

### **Điều 11. Các loài thủy sản cấm khai thác, cấm khai thác có thời hạn**

1. Các loài thủy sản cấm khai thác:

Những đối tượng bị cấm khai thác được quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư số 62/2008/TT-BNN ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Thủy sản hướng dẫn thi hành Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản.

2. Các loài thủy sản cấm khai thác có thời hạn trong năm:

Những đối tượng bị cấm khai thác có thời hạn trong năm được quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư số 62/2008/TT-BNN ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Thủy sản hướng dẫn thi hành Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản.

3. Thời gian khai thác nghêu, sò huyết giống tự nhiên do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định sau khi thống nhất với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

### **Điều 12. Các hoạt động khai thác thủy sản bị cấm**

1. Sử dụng chất nổ, hóa chất độc hại, chất gây mê, môi thuốc dẫn dụ, thực vật có độc tố.

2. Sử dụng điện dưới mọi hình thức.

3. Sử dụng ngư cụ đánh bắt các loài thủy sản có kích thước mắt lưới nhỏ hơn quy định, đánh bắt các loài cá con như: cá ròng ròng, cá rô non,... (phụ lục 2, 3 kèm theo Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Thủy sản hướng dẫn thực hiện Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản).

4. Các hoạt động khai thác thủy sản tự nhiên trong vùng quy hoạch chuyên nuôi thủy sản đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

### **Điều 13. Các loại nghề khuyến khích chuyển đổi**

Khuyến khích các nghề khai thác thủy sản cấm đóng mới quy định tại Điều 10 quy chế này chuyển sang các nghề đánh bắt có tính chọn lọc như: nghề câu giàn, lưới rê.

## **Mục 3**

### **QUẢN LÝ DỊCH VỤ KHAI THÁC THỦY SẢN**

#### **Điều 14. Trách nhiệm của Ban Quản lý cảng cá, bến cá**

Ban Quản lý cảng cá, bến cá có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chức năng, chính quyền địa phương thực hiện đảm bảo an ninh trật tự, an toàn vệ sinh thực phẩm, vệ sinh môi trường đối với các hoạt động nghề cá. Đảm bảo thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến các đối tượng làm việc trên phương tiện nghề cá hoạt động trong phạm vi quản lý của cảng cá, bến cá.

### **Điều 15. Trách nhiệm của các chủ phương tiện hoạt động dịch vụ hậu cần nghề cá**

Phương tiện thu gom, vận chuyển thủy sản phải thực hiện đăng ký và đăng kiểm theo quy định; đồng thời, phải tuân thủ quy định về tiêu chuẩn cơ sở đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Không thu mua, vận chuyển các sản phẩm thủy sản thuộc giống loài cấm khai thác, thủy sản có kích thước nhỏ hơn quy định cho phép khai thác, các đối tượng bảo tồn hoặc khai thác bằng các ngư cụ và nghề cấm.

### **Điều 16. Trách nhiệm của các cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá**

Cơ sở đóng mới, sửa chữa, cải hoán phương tiện nghề cá phải thực hiện đúng quy định của Nhà nước tại Điều 10 Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ và Nghị định số 14/2009/NĐ-CP ngày 13/02/2009 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005.

## **Chương III BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN LỢI THỦY SẢN**

### **Điều 17. Quản lý động vật thủy sản ngoại lai**

1. Khi nhập thủy sinh vật ngoại lai chủ sở hữu tiến hành đăng ký lưu giữ theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 53/2009/TT-BNNPTNT ngày 21/8/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thủy sinh vật ngoại lai tại Việt Nam.

2. Cung cấp thông tin về thủy sinh vật ngoại lai có nguy cơ xâm hại do mình sở hữu khi cơ quan quản lý chuyên ngành thủy sản yêu cầu và phải thông báo ngay cho cơ quan quản lý thủy sản địa phương về những dấu hiệu bất thường của loài thủy sinh vật ngoại lai có nguy cơ xâm hại.

3. Trong quá trình lưu giữ hoặc nuôi thủy sinh vật ngoại lai, chủ sở hữu quản lý phải lập hồ sơ theo dõi biến động của thủy sinh vật ngoại lai.

4. Chấp hành sự giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

5. Chủ sở hữu không được tự ý phóng sinh thủy sinh vật ngoại lai xâm hại (hoặc có nguy cơ xâm hại) ra môi trường tự nhiên, khu bảo tồn và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi này.

6. Trách nhiệm Cơ quan quản lý chuyên ngành về thủy sản địa phương trong việc quản lý thủy sinh vật ngoại lai thực hiện theo Thông tư 53/2009/TT-BNNPTNT ngày 21/8/2009 của Bộ NN&PTNT về Quy định quản lý các loài thủy sinh vật ngoại lai tại Việt Nam.



**Điều 18. Tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản**

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì xây dựng các chương trình, dự án phục hồi, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản bị suy giảm ở các vùng nước tự nhiên trên địa bàn tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thực hiện các chương trình, dự án phục hồi, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản ở các vùng nước thuộc địa bàn quản lý.

3. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia thả giống thủy sản về tự nhiên để phục hồi, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản.

**Chương IV  
TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 19. Tổ chức triển khai**

Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Trong đó:

1. Chi cục Thủy sản phối hợp với các cơ quan truyền thông tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi nội dung Quy chế này; thực hiện việc đăng ký, đăng kiểm theo quy định.

2. Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thường xuyên tổ chức việc thanh, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy chế này.

3. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện; Phòng Kinh tế thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công để kịp thời tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp triển khai thực hiện tốt nội dung của Quy chế.

**Điều 20. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này trên địa bàn quản lý; Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc thực hiện các hoạt động chuyên môn; chỉ đạo các xã, phường, thị trấn tuyên truyền phổ biến đến ngư dân và các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác, dịch vụ khai thác thủy sản trên địa bàn.

**Điều 21. Khen thưởng, xử lý vi phạm**

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc phát hiện, ngăn chặn, báo cáo kịp thời những hành vi vi phạm Quy chế này sẽ được xem xét khen thưởng theo quy định.

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất, mức độ sẽ bị xử lý hành chính trong lĩnh vực thủy sản hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Văn Hưởng**